

HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ CHIẾN LƯỢC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (TPP): CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI KINH TẾ VIỆT NAM

Hoàng Xuân Bình*

Ngày nhận: 10/02/2015

Ngày nhận bản sửa: 22/02/2015

Ngày duyệt đăng: 25/02/2015

Tóm tắt:

Nhận thức rõ được những cơ hội phát triển về kinh tế, xã hội, tri thức và khoa học kỹ thuật khi tham gia vào các tổ chức kinh tế lớn, Việt Nam đã hoàn tất thủ tục để trở thành thành viên chính thức của TPP (Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement- Hiệp định đối tác Kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương). Việc tham gia vào TPP sẽ mang tới những cơ hội phát triển cho Việt Nam do TPP được coi là tổ chức kinh tế hàng đầu của thế kỉ 21 với thành viên là các nền kinh tế lớn như Mỹ, Nhật, Canada, Úc... Bên cạnh đó, Việt Nam cũng phải đối mặt với rất nhiều thách thức do cắt giảm thuế quan, mở cửa thị trường dịch vụ, đáp ứng các yêu cầu cao về lao động, môi trường... Bài viết phân tích những cơ hội và thách thức này, và đưa ra một số giải pháp cho chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam nhằm tận dụng tối đa cơ hội và vượt qua thách thức khi tham gia vào TPP.

Từ khóa: cơ hội, chính sách, thách thức, TPP, Việt Nam

The Trans-Pacific strategic economic partnership agreement (TPP): Opportunities and challenges for Vietnam's economy

Abstract:

Being aware of the opportunities to enhance social economic growth and technological knowledge when joining large economic entities, Vietnam has been completing the negotiation process to become an official member of TPP (Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement). Joining TPP will bring great chances as TPP is considered the most prestigious economic entity of the 21st century with its members from large economies such as the U.S, Japan, Canada, and Australia. This paper discusses several opportunities as well as challenges of Vietnam when joining TPP and the policies that the Vietnamese government should devise to grab these chances and overcome the obstacles.

Key words: opportunities, policies, challenges, TPP, Vietnam

1. Đặt vấn đề/Giới thiệu

Việt Nam đang trong quá trình đàm phán và ký kết Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement- viết tắt TPP) là một hiệp định/thỏa thuận thương mại tự do nhiều bên với mục đích hội nhập các nền kinh tế thuộc khu vực châu Á- Thái Bình Dương, theo đó các rào cản

thương mại sẽ bị xoá bỏ giữa các quốc gia. Việc Việt Nam tham gia Hiệp định TPP đã và đang nhận được sự quan tâm rất lớn của mọi thành phần trong xã hội, đặc biệt các doanh nghiệp.

Câu hỏi được đặt ra là Việt Nam sẽ nhận được lợi ích gì khi tham gia TPP; Việt Nam sẽ phải đối mặt với những khó khăn nào khi Hiệp định có hiệu lực và Việt Nam cần làm gì trong thời gian tới? Bài

ngiên cứu đi tìm câu trả lời cho các câu hỏi trên. Bố cục của bài viết như sau: phần tiếp theo giới thiệu về quá trình hình thành và đàm phán TPP; sau đó thảo luận những cơ hội và thách thức khi Việt Nam tham gia TPP; phần cuối cùng, tác giả tập trung vào các hàm ý chính sách cho chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam.

2. Vài nét về quá trình hình thành TPP

Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement - viết tắt TPP) là một hiệp định/thỏa thuận thương mại tự do nhiều bên với mục đích hội nhập các nền kinh tế thuộc khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Đây là thỏa thuận toàn diện về tất cả các khía cạnh chính của một hiệp định thương mại tự do với mục tiêu ban đầu là giảm 90% các loại thuế xuất nhập khẩu giữa các nước thành viên trước ngày 01/01/2006 và cắt giảm bằng không tới năm 2015. Thỏa thuận được các nước Brunei, Chile, New Zealand và Singapore ký ngày 03/06/2005 và có hiệu lực từ ngày 28/5/2006.

Mục tiêu của TPP là thiết lập vùng tự do kinh tế giữa các quốc gia thành viên với tiêu chuẩn cao hơn cơ chế hiện nay của WTO (Lương Xuân Quý, 2014). Hoa Kỳ kỳ vọng TPP là “một FTA của thế kỷ 21” với mong muốn TPP có phạm vi lớn nhất và mức độ mở cửa rộng nhất (Fergusson và Vaughn, 2011).

2.1. Quy mô và phạm vi của TPP

TPP so với các hiệp định và liên kết khác mở rộng hơn về thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ và phi thương mại như môi trường, lao động, hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, mua sắm của chính phủ, trong đó thương mại hàng hoá vẫn giữ vị trí hàng đầu. Với phạm vi cùng các cam kết sâu, hiệp định TPP sẽ có ảnh hưởng rất lớn cho sự phát triển khối và cho từng thành viên tham gia.

TPP theo hướng mở, tức là tiếp tục kết nạp thành viên và bổ sung các vấn đề mới sau khi hiệp định có hiệu lực. Hiện nay, đã có 12 nước tham gia gồm bốn nước thành viên P4 (New Zealand, Brunei, Chile, Singapore) và các nước bên ngoài (Australia, Canada, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, Peru, Mỹ và Việt Nam). Trong tương lai, số lượng tham gia đàm phán có thể mở rộng do nhiều nước khác trong khu vực ASEAN và APEC như Hàn Quốc, Thái Lan và Indonesia cũng bày tỏ thái độ quan tâm.

2.2. Tình hình đàm phán của TPP

Theo kế hoạch, quá trình đàm phán sẽ kết thúc sau vòng 19 vào tháng 08/2013, tuy nhiên sau bốn năm với 19 vòng đàm phán kể từ tháng 03/2010, hiệp định vẫn chưa có nhiều chuyển biến. Trong thời gian đầu, các bên đều đặt tham vọng ký kết một hiệp định toàn diện tiêu chuẩn cao trong thời gian sớm nhất nhưng càng tới các vòng đàm phán sau, các vấn đề càng trở nên phức tạp và mâu thuẫn hơn. Ngoài ra, việc có thêm các thành viên mới có thể ảnh hưởng tới tiến độ đàm phán; trong đó, việc Nhật Bản tham gia với vị thế là một nước lớn và có nhiều ngành được bảo hộ ở mức cao (nông nghiệp) làm phức tạp thêm các vấn đề vốn có nhiều tranh cãi (Nguyễn Thị Thu Trang, 2013). Do vậy, mới chỉ có ba vấn đề được đàm phán xong là Hải quan, Viễn thông, Hải hòa pháp lý và phát triển.

2.3. Một số kết quả đàm phán của TPP

Đàm phán TPP chưa thể kết thúc trong năm qua vì còn rất nhiều vấn đề chưa được giải quyết. Việc đạt được một thỏa thuận nhanh chóng sẽ còn khó khăn hơn nếu các quốc gia khác tiếp tục gia nhập. USTR tuyên bố rằng các nhà đàm phán sẽ không quay lại ba vấn đề đã hoàn thành cho đến những vòng cuối cùng.

Đến đầu năm 2015, TPP đã đạt một số bước tiến quan trọng trên bàn đàm phán để giải quyết các bất đồng, đặc biệt là ở Mỹ và Nhật – hai nền kinh tế lớn nhất trong khối. Cụ thể, Mỹ dự định sẽ xóa bỏ hàng rào thuế quan đối với xe hơi nhập từ Nhật với thời gian áp dụng hơn 10 năm. Đổi lại, Nhật cũng đang xem xét kế hoạch giảm hay thậm chí bỏ thuế đối với mặt hàng thịt bò và thịt heo nhập từ Mỹ với thời

Bảng 1: Danh sách các thành viên chính thức và các nước tham gia đàm phán gia nhập TPP

Tên nước	Nhiệm vụ	Thời gian
Brunei	Sáng lập	06/2005
Chile	Sáng lập	06/2005
New Zealand	Sáng lập	06/2005
Singapore	Sáng lập	06/2005
Hoa Kỳ	Đang đàm phán	02/2008
Australia	Đang đàm phán	11/2008
Peru	Đang đàm phán	11/2008
Việt Nam	Đang đàm phán	11/2008
Malaysia	Đang đàm phán	10/2010
Canada	Đang đàm phán	10/2012
Mexico	Đang đàm phán	10/2012
Nhật Bản	Đang đàm phán	03/2013

Nguồn: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI năm 2014

gian áp dụng trên 10 năm. Ngoài ra, TPP cũng đang được đẩy mạnh khi Quốc hội Mỹ do Đảng Cộng hòa kiểm soát muốn trao cho Tổng thống Barack Obama nhiều quyền hạn hơn trong quá trình đàm phán hiệp định TPP với một nhóm các quốc gia châu Á (Donohue, 2015).

3. Cơ hội với nền kinh tế Việt Nam

Gia nhập TPP sẽ là một cơ hội lớn cho nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển mạnh mẽ và là bước đệm để tiến xa hơn. Lợi ích mà TPP đem lại được nhìn theo hai khía cạnh: từ thị trường nước ngoài và từ thị trường trong nước.

3.1. Cơ hội từ thị trường nước ngoài

Lợi ích ở thị trường các nước đối tác TPP thể hiện ở hai hình thức chủ yếu:

3.1.1. Thuế quan (đối với thương mại hàng hóa)

Lợi ích này được dự đoán sẽ có được khi hàng hóa của Việt Nam được lưu thông ở thị trường nước đó với mức thuế quan thấp hoặc thuế suất bằng 0%. Với lợi ích này, xuất khẩu hàng hóa vào thị trường Mỹ, Nhật thực sự là một lợi thế cạnh tranh lớn cho Việt Nam, đặc biệt ở một số ngành nghề truyền thống như dệt may, da giày, lúa gạo, nhóm hàng thủy sản, nông sản... (Trần Hồng Quang và Nguyễn Quốc Cường, 2014).

TPP không chỉ đem lại lợi ích cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam mà kéo theo đó là lợi ích của tất cả các lĩnh vực liên quan như tạo việc làm giảm thất nghiệp, nâng cao trình độ người lao động,... Ví dụ như: TPP có thể sẽ giúp ngành dệt may Việt Nam tiếp cận thị trường Hoa Kỳ với mức thuế suất 0% so với mức thuế trên 7% hiện nay và như vậy mức kim ngạch sang thị trường này sẽ không dừng lại ở mức 5,2 tỷ đô la như năm 2009 (Ủy ban tư vấn về chính sách thương mại quốc tế, 2014).

3.1.2. Tiếp cận thị trường (đối với thương mại dịch vụ và đầu tư)

Về lý thuyết, Việt Nam sẽ được tiếp cận thị trường dịch vụ của các nước đối tác thuận lợi hơn. Trên thực tế điều này không phải dễ dàng do năng lực cung cấp dịch vụ của các doanh nghiệp trong nước còn yếu kém.

TPP sẽ mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội thu hút FDI. Sau khi gia nhập WTO, dòng vốn FDI vào Việt Nam tăng mạnh. Đến hết năm 2010, Việt Nam có 12.213 dự án còn hiệu lực đến từ 92 quốc gia và vùng lãnh thổ, với tổng vốn đăng ký 129,9 tỷ USD. FDI đóng vai trò quan trọng cho tăng trưởng xuất

khẩu và tăng thu cho ngân sách Nhà nước, góp phần tạo việc làm có chuyên môn, kỹ thuật cao... (Trang thông tin điện tử đầu tư nước ngoài, 2014). Tuy chất lượng vẫn còn nhiều hạn chế nhưng sự tăng thu hút FDI cho thấy thị trường Việt Nam đã trở nên hấp dẫn hơn với các nhà đầu tư nước ngoài.

TPP sẽ giúp Việt Nam có thêm điều kiện hợp tác quốc tế để phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, triển khai chiến lược hội nhập quốc tế nói chung và chiến lược đối ngoại ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương nói riêng, nâng cao vị thế trên trường quốc tế, củng cố trạng thái cân bằng trong quan hệ với các đối tác chủ chốt, góp phần duy trì và củng cố môi trường hoà bình, ổn định và bảo đảm an ninh, quốc phòng.

3.2. Cơ hội từ thị trường nội địa

Với TPP, thị trường nội địa sẽ khai thác được nhiều thế mạnh.

3.2.1. Việc giảm thuế hàng nhập khẩu từ các nước TPP

Người tiêu dùng và các ngành sản xuất sử dụng nguyên liệu nhập khẩu từ các nước trong TPP làm nguyên liệu đầu vào sẽ được hưởng lợi từ hàng hóa, nguyên liệu giá rẻ, giảm chi phí sinh hoạt và sản xuất, tăng lợi nhuận của các doanh nghiệp, đồng thời nâng cao đóng góp cho ngân sách nhà nước.

3.2.2. Những khoản đầu tư, dịch vụ đến từ Hoa Kỳ và các nước đối tác TPP

TPP đem lại nhiều cơ hội thu hút đầu tư FDI từ các nước, đặc biệt các nước đối tác, nâng cao môi trường kinh doanh trong nước khiến các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chất lượng tốt hơn với giá rẻ cùng với những đổi mới công nghệ tiên tiến, hiện đại hơn. Đây vừa là động lực vừa là sức ép để các ngành nội địa thay đổi, tiên bộ hơn về mọi mặt.

3.2.3. Những thay đổi thể chế, cải cách để đáp ứng đòi hỏi chung của TPP

TPP bao trùm những vấn đề thiết yếu, quan trọng trong quản lý kinh tế vĩ mô, giúp Việt Nam có những hướng đi mới để giải quyết các vấn đề còn tồn đọng cũng như mở rộng hội nhập với các quốc gia trong khu vực. Hơn thế nữa, TPP được kỳ vọng sẽ hỗ trợ tích cực quá trình tái cơ cấu và đổi mới mô hình tăng trưởng thông qua việc phân bổ nguồn lực theo hướng hiệu quả hơn, tạo bước phát triển mới cho nền kinh tế.

3.2.4. Việc mở cửa thị trường mua sắm công

Ở Việt Nam, khái niệm “mua sắm chính phủ”, hay “mua sắm công” còn chưa phổ biến. Việc tuân thủ các điều kiện về mua sắm chính phủ trong TPP là bắt buộc đối với tất cả các bên tham gia nhằm sử dụng thị trường mua sắm chính phủ để kích thích thương mại quốc tế phát triển với tốc độ nhanh và bình đẳng hơn giữa các bên tham gia ký kết, thúc đẩy giải quyết các vấn đề không minh bạch trong hoạt động mua sắm công.

3.2.5. Việc thực thi các tiêu chuẩn về lao động, môi trường

Các điều kiện mới về môi trường, lao động sẽ là động lực thúc đẩy nước ta có những chính sách bảo vệ môi trường cũng như chính sách lao động trong nước hợp lý hơn.

Tóm lại, tham gia ký kết TPP là điều cần thiết đối với nền kinh tế Việt Nam đang trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

3.3. Cơ hội với các doanh nghiệp Việt Nam

Tham gia TPP không chỉ đem lại lợi ích cho tổng thể nền kinh tế mà còn mang lại những cơ hội lớn cho các doanh nghiệp trong nước thông qua việc mở rộng tiếp cận thị trường và nâng cao khả năng cạnh tranh. TPP được kỳ vọng sẽ giúp các doanh nghiệp cỡ nhỏ và vừa hội nhập tốt hơn vào làn sóng thương mại toàn cầu.

Ngoài những cơ hội đến từ góc nhìn thị trường quốc tế và nội địa, TPP tạo điều kiện tăng cường xuất khẩu và mở rộng thị trường cho các doanh nghiệp Việt Nam. Đó là kết quả của yêu cầu xóa bỏ thuế quan nhập khẩu, giảm thuế cho hàng xuất khẩu đối với các thành viên ngay khi Hiệp định có hiệu lực, từ đó làm tăng cơ hội xuất khẩu cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Về vấn đề bán phá giá và trợ cấp, khi tham gia TPP, Việt Nam sẽ có cơ hội được tham vấn với chính phủ các nước đối tác về các vụ kiện chống bán phá giá và chống trợ cấp. Việt Nam không chỉ có được cam kết của các thành viên về việc không sử dụng hoặc hạn chế các biện pháp chống bán phá giá mà còn có cơ hội sử dụng các cam kết của TPP về hàng rào kỹ thuật và các biện pháp vệ sinh dịch tễ để tránh các tranh chấp. Đây là lợi thế để doanh nghiệp Việt Nam tăng xuất khẩu vào Mỹ và có khả năng cạnh tranh cao hơn doanh nghiệp một số nước không phải là thành viên của TPP như Trung Quốc, Bangladesh...

Những lợi ích khác mà TPP mang lại: TPP tạo

xung lực đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, mở cửa thị trường mua sắm; thuận lợi trong tiếp cận thị trường thành viên TPP, cải thiện các biện pháp hạn chế nhập khẩu; do vậy Việt Nam có cơ hội được công nhận là nền kinh tế thị trường sớm hơn...

4. Thách thức của TPP đối với nền kinh tế Việt Nam

4.1. Đối với tổng thể nền kinh tế

Bên cạnh những cơ hội nếu chính phủ Việt Nam không có những chính sách, cải cách cần thiết thì việc gia nhập TPP sẽ trở nên “mất” nhiều hơn “được”.

4.1.1. Việc giảm thuế quan đối với hàng hóa, dịch vụ của các nước đối tác TPP

TPP đưa ra yêu cầu rất cao, phải lập tức xóa bỏ trên 90% thuế nhập khẩu ngay khi hiệp định có hiệu lực. Cam kết này sẽ đem tới nhiều bất lợi, nổi bật là hai vấn đề: giảm thu ngân sách chính phủ từ thuế nhập khẩu và nâng cao sức ép cạnh tranh.

Thất thu ngân sách do giảm thuế nhập khẩu là một bất lợi không thể tránh khỏi khi tham gia đàm phán TPP nói riêng hay FTA nói chung. Tuy nhiên, thách thức này không thật sự lớn do thu ngân sách sẽ giảm từ từ, gắn với việc Việt Nam sẽ giảm thuế nhập khẩu theo lộ trình. Thuế nhập khẩu giảm đồng nghĩa với việc hàng hóa và dịch vụ từ các nước đối tác TPP như Nhật, Mỹ vào thị trường Việt Nam sẽ tăng lên. Như vậy, số thu từ thuế giá trị gia tăng tăng lên, bổ sung vào nguồn thu ngân sách.

Sự cạnh tranh gay gắt giữa hàng hóa nội địa với hàng hóa từ các nước đối tác TPP ồ ạt đổ vào thị trường là điều không tránh khỏi. Sức ép này chủ yếu đến từ bốn nước là đối tác TPP nhưng chưa có quan hệ FTA với Việt Nam: Mỹ, Canada, Mexico và Peru. Những ngành sẽ gặp khó khăn là ngành sản xuất ô tô, nông sản, thịt bò, thịt lợn, đường, thực phẩm chế biến; riêng ngành xăng dầu sẽ chịu ảnh hưởng không hề nhỏ khi mất đi một trong những công cụ điều hành giá quan trọng (Ngô Tuấn Anh, 2014). Điều này sẽ đóng vai trò là động lực thúc đẩy kinh tế Việt Nam tăng trưởng với sự cải tổ mô hình quản lý, tự điều chỉnh, thích nghi, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam. Có thể thấy, áp lực cạnh tranh là chắc chắn xảy ra, tuy nhiên, áp lực đó không phải toàn diện¹. Rất có thể, sau TPP, thị phần nội địa Việt Nam sẽ được phân chia lại, nhưng là giữa các nước đối tác TPP với

nhau chứ không phải giữa các nước TPP với Việt Nam.

4.1.2. Việc mở cửa thị trường dịch vụ, đầu tư và mua sắm Chính phủ

Khác với đàm phán WTO sử dụng phương pháp “chọn - cho”², TPP sử dụng phương thức đàm phán “chọn - bỏ”³. Điều này cùng với các quy định chặt chẽ hơn sẽ tạo nhiều thách thức với thị trường dịch vụ còn nhiều hạn chế và khá non yếu của Việt Nam. Sự tham gia tự do và mạnh mẽ của các nhà cung cấp lớn và kinh nghiệm lâu năm về dịch vụ trên thế giới sẽ đặt các nhà cung cấp dịch vụ trong nước như ngân hàng, thương mại bán lẻ, và viễn thông vào tình thế khó khăn. So với một vài nước trong khu vực cũng như trên thế giới, khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng của Việt Nam còn chưa cao, biểu hiện ở mức độ phân bố chi nhánh và giao dịch không đồng đều trên cả nước.

Ngoài ra, mua sắm công là một lĩnh vực còn tương đối đóng đối với tự do hóa thương mại. Mỗi năm chính phủ các quốc gia chi ra một khoản tiền không nhỏ để mua sắm, vì vậy đây là một thị trường khổng lồ thu hút các nhà cung cấp dịch vụ. Các nguyên tắc về mua sắm công trong TPP cũng tương tự như trong Hiệp định mua sắm chính phủ (GAP) của WTO⁴ tức là đối xử với các nhà cung cấp TPP tương đương với nhà cung cấp Việt Nam, không ưu tiên các nhà cung cấp nội địa. Do vậy, thị trường mua sắm công tại Việt Nam sẽ vấp phải sự cạnh tranh gay gắt, quyết liệt từ các đối tác TPP (Nguyễn Thị Thu Hà và Trần Quốc Trung, 2014), Tuy nhiên, nếu chính phủ Việt Nam lựa chọn mở cửa thị trường mua sắm chính phủ ở một mức độ thích hợp, thách thức có thể trở thành cơ hội trong việc minh bạch hóa thị trường và lựa chọn được nhà cung cấp tốt hơn⁵.

4.1.3. Việc thực thi các yêu cầu cao liên quan tới sở hữu trí tuệ, lao động, môi trường

Đến với TPP, Việt Nam được tiếp cận với những vấn đề mà nước ta chưa hề có kinh nghiệm đàm phán như môi trường, lao động. Với phạm vi đàm

phán mở rộng, chính phủ Việt Nam sẽ có thể phải đối mặt với những vụ kiện từ những nhà đầu tư nước ngoài của các nước phát triển⁶. Gánh nặng đặt lên vai Việt Nam là phải sửa đổi các quy định pháp luật sao cho phù hợp với những yêu cầu, đòi hỏi cao của TPP (Đình Hoàng Thắng, 2014). Bên cạnh đó, phương pháp đàm phán “chọn - bỏ” được TPP áp dụng chỉ dành cho những nước phát triển với độ mở thị trường cao và hệ thống luật pháp ổn định.

Một vấn đề lớn đặt ra khi gia nhập TPP là sở hữu trí tuệ. Theo Trung tâm Nghiên cứu Kinh doanh và Hỗ trợ doanh nghiệp (BSA), Việt Nam đứng thứ 21 thế giới về việc vi phạm bản quyền phần mềm, tỉ lệ vi phạm lên tới 81%, tương đương 395 triệu USD.

Với thực trạng vi phạm còn lớn và thiếu sự bảo hộ hiệu quả, Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc đáp ứng đầy đủ các quy định của hiệp định TRIPS⁷, đặc biệt là TRIPS Cộng⁸.

Tóm lại, gia nhập TPP tạo ra những rào cản, bất lợi nhất định, khó tránh khỏi đối với tổng thể nền kinh tế Việt Nam. Song, thay vì đầu hàng trước những thách thức đó và đứng ngoài cuộc đàm phán, Việt Nam hoàn toàn có thể chủ động đàm phán với những điều khoản phù hợp với tình hình kinh tế, nắm bắt những thách thức và biến nó thành cơ hội để phát triển nền kinh tế toàn diện hơn.

4.2. Đối với doanh nghiệp

4.2.1. Sức ép cạnh tranh

Sức ép cạnh tranh đến từ ba yếu tố: giảm thuế nhập khẩu, mở cửa thị trường dịch vụ và sự bình đẳng.

Việc xóa bỏ toàn bộ hàng rào thuế quan sẽ dẫn đến sự gia tăng nhanh chóng của các mặt hàng nhập khẩu vào Việt Nam với giá cả cạnh tranh. Các doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt với thị phần bị thu hẹp, thậm chí có nguy cơ mất thị trường nội địa. Điều này đặc biệt đe dọa tới nhóm hàng nông sản, gắn liền với nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trong hội nhập - nông dân. Đối với chăn nuôi bò: thịt bò nhập khẩu từ Mỹ, Australia

Bảng 2: Mức độ vi phạm bản quyền phần mềm của Việt Nam qua các năm

Năm	2007	2008	2009	2010	2011
Tỷ lệ vi phạm bản quyền phần mềm (%)	85	85	85	83	81
Giá trị phần mềm không có bản quyền (triệu USD)	200	257	353	412	395

Nguồn: BSA (2011)

hay từ các nước ASEAN có giá rất cạnh tranh do quy mô chăn nuôi của các nước lớn, trong khi chăn nuôi bò tại Việt Nam có quy mô nhỏ, không đồng đều, giống chất lượng kém, do đó nếu như ngành chăn nuôi Việt Nam không có chiến lược phát triển phù hợp sẽ rất khó để cạnh tranh thắng lợi.

Ngoài ra, Việt Nam phải mở cửa thị trường dịch vụ - mảng hoạt động thương mại với mức độ mở cửa còn dè dặt và nhiều hạn chế. Hệ thống siêu thị, cửa hàng bán lẻ, hệ thống chợ đầu mối, chợ bán lẻ... chưa đáp ứng được nhu cầu mua sắm ngày càng cao của người tiêu dùng, đặc biệt về tính chuyên nghiệp, giá cả thiếu cạnh tranh, nguồn hàng chưa đa dạng, mức độ kiểm soát chất lượng hàng hóa còn thấp... Đây chính là “khoảng trống” để bị khai thác khi mở cửa thị trường sau TPP. Hệ quả là sự thâm nhập sâu và cạnh tranh gay gắt của các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài khiến thị phần của các nhà cung cấp trong nước bị thu hẹp, ảnh hưởng đến việc làm của một lượng lớn lao động.

Không chỉ có vậy, nếu WTO có những chính sách ưu tiên cho các nước đang và chậm phát triển thì TPP lại là một sân chơi bình đẳng, không có chính sách ưu tiên, không phân biệt nước phát triển hay kém phát triển. Trong 12 nước tham gia đàm phán, Việt Nam có trình độ phát triển thấp nhất, chưa đủ năng lực để cạnh tranh bình đẳng với các nước có nền kinh tế phát triển cao như Hoa Kỳ hay Australia.

4.2.2. Yêu cầu cao về môi trường, lao động, hàng rào kỹ thuật và kiểm dịch động thực vật

Yêu cầu cao trong bảo vệ môi trường, những nguyên tắc về lao động, hàng rào kỹ thuật, kiểm dịch động thực vật cũng là một trong những khó khăn mà doanh nghiệp Việt Nam vấp phải. Khi những yêu cầu trên vượt quá khả năng đáp ứng của các doanh nghiệp thì lợi thế có được từ cam kết cắt giảm thuế quan của đối tác sẽ không còn nữa (Nguyễn Thị Thu Trang, 2013).

Các quy định kỹ thuật khắt khe về bao bì, nhãn mác, về mức độ hay dư lượng hóa chất tối đa trong sản phẩm, về tính hợp pháp của những nguyên liệu sử dụng... có thể khiến cho hàng hóa Việt Nam không thể thâm nhập vào thị trường nước ngoài. Hàng nông sản còn phải vượt qua một hàng rào khắt khe khác là các biện pháp về vệ sinh và kiểm dịch động thực vật. Có lẽ, các doanh nghiệp Việt đã quá rõ những bài học về xuất khẩu: quả thanh long không được kiểm dịch và chiếu tia theo đúng quy định thì không thể xuất khẩu sang thị trường Mỹ hay

con cá, con tôm vượt quá mức kháng sinh mà nước nhập khẩu đặt ra sẽ có nguy cơ bị trả về...

4.2.3. Thách thức trong việc thực thi Quyền Sở hữu trí tuệ

Việc thực thi Quyền sở hữu trí tuệ thực sự là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp Việt khi mà chúng ta vẫn chưa có thiết chế bảo hộ hiệu quả, số vụ vi phạm về sở hữu trí tuệ còn rất lớn. Việc chấm dứt các vi phạm về Quyền sở hữu trí tuệ sẽ giúp cho nền kinh tế phát triển một cách lành mạnh, tuy nhiên, với tình hình hiện nay, việc áp dụng bảo hộ chặt chẽ ngay sẽ dẫn tới những khó khăn khi các doanh nghiệp phải bỏ ra chi phí lớn hơn trước cho cùng một loại sản phẩm.

Theo thông tin từ một dự thảo Chương sở hữu trí tuệ TPP bị tiết lộ, Mỹ đề xuất các điều khoản để tăng cường mức độ và thời gian bảo hộ bản quyền sáng chế đối với các loại thuốc bảo vệ thực vật, phân bón (hóa chất nông nghiệp), thuốc thú y. Mỹ cũng đề xuất bảo hộ chỉ dẫn địa lý⁹ như bảo hộ thương hiệu. Điều này nếu xảy ra sẽ là rủi ro lớn, Việt Nam có thể đứng trước nguy cơ bị mất tên các thương hiệu nổi tiếng như nước mắm Phú Quốc, vải thiều Thanh Hà, cà phê Buôn Mê Thuật, hoa Đà Lạt ... nếu các doanh nghiệp trong nước không nhanh chóng đăng ký bảo hộ thương hiệu.

4.2.4. Mở thị trường mua sắm công

Mua sắm công là một vấn đề phức tạp và là lĩnh vực tương đối “đóng” đối với tự do thương mại. Đối với doanh nghiệp Việt Nam, việc mở cửa thị trường mua sắm công khiến cho các doanh nghiệp Nhà nước không còn được ưu tiên, các nhà thầu nước ngoài có cơ hội thâm nhập và có khả năng thắng thầu áp đảo so với các doanh nghiệp nội địa, do năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp này rất thấp so với các đối tác trong TPP.

4.2.5. Quy tắc xuất xứ

Hàng xuất khẩu của Việt Nam vào các thành viên TPP muốn được hưởng thuế suất như trên phải có nguyên liệu tự sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu từ các nước thành viên TPP. Hiện nay với năng lực tự sản xuất và cung ứng nguyên phụ liệu còn hạn chế, những yêu cầu về quy tắc xuất xứ hàng hóa đang đặt ra thách thức và mối lo ngại cho các doanh nghiệp Việt. Việc sản xuất hàng hóa xuất khẩu còn phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu từ các nước ngoài TPP (như Trung Quốc, Hàn Quốc và một số nước ASEAN). Ví dụ, ngành dệt may là

ngành xuất khẩu chủ lực nhưng 75% nguyên vật liệu phải nhập từ Trung Quốc trong khi Trung Quốc không tham gia TPP nên ngành dệt may của nước ta sẽ không được hưởng ưu đãi thuế quan như các ngành khác. Không chỉ có dệt may, nông sản, phần lớn các sản phẩm xuất khẩu thế mạnh của Việt Nam (giày dép, đồ gỗ, điện tử, công cụ...) đều đang sử dụng đa số nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc (Cục xúc tiến thương mại, 2014).

5. Một số gợi ý chính sách cho Việt Nam trong “Sân chơi TPP”

5.1. Về phía Chính phủ

5.1.1. Hoàn thiện thể chế về kinh tế thị trường

“Khi tham gia TPP, Việt Nam sẽ phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường theo hướng cải cách mạnh mẽ doanh nghiệp nhà nước, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, kể cả với doanh nghiệp FDI. Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường, loại bỏ mọi hình thức trợ cấp trái với quy định của WTO. Tạo lập môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, có thể tiên liệu được và thị trường cạnh tranh bình đẳng. Tăng cường thể chế thực thi và chế tài xử phạt; bảo đảm sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình xử lý tranh chấp.

Việt Nam sẽ phải định vị lại vai trò của 3 trụ cột trong thể chế kinh tế thị trường hiện đại là thị trường, Nhà nước và xã hội. Trong đó, thị trường giữ vai trò quyết định trong việc phân bổ nguồn lực. Nhà nước sử dụng các công cụ điều tiết thị trường và thực hiện chức năng kiến tạo phát triển và chiến lược tăng trưởng.” (Lê Anh, 2014).

5.1.2. Cải cách hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi Luật sở hữu trí tuệ

Việt Nam cần xây dựng một lộ trình cụ thể và phù hợp trong việc tham gia các điều khoản sở hữu trí tuệ, tập trung khuyến khích tri thức một cách tự do và thiết lập nền móng cho công nghệ.

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện các quy phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ, nhất là các quy phạm thực thi để tạo sức hấp dẫn cho các nhà đầu tư lớn.

Thứ hai, sắp xếp lại và tăng cường năng lực của các cơ quan thực thi, từ tòa án đến các cơ quan, bảo đảm thực thi nội địa, đơn giản hóa các thủ tục pháp lý, rút ngắn thời gian xử lý các vi phạm liên quan đến sở hữu trí tuệ.

Thứ ba, tăng cường công tác tuyên truyền về luật sở hữu trí tuệ, và đặc biệt là các cam kết của Việt

Nam trong WTO, TRIPS, cũng như TPP sau này đến cộng đồng doanh nghiệp.

Thứ tư, tăng cường chính sách khuyến khích, động viên các đối tượng trong xã hội, nhất là thu hút các doanh nghiệp- chủ thể quyền sở hữu công nghiệp tham gia tích cực hơn vào bảo vệ sở hữu trí tuệ.

5.1.3. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ

Chính phủ cần đưa ra các chính sách có lợi cho sự phát triển của doanh nghiệp vừa và nhỏ về các khía cạnh như nguồn nhân lực, nguyên liệu, kênh bán hàng, xây dựng các tổ chức tài chính để giải quyết “con khát” về vốn cho doanh nghiệp, đồng thời tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp xúc với nguồn vốn rẻ và bổ sung các chính sách ưu tiên về thuế cho doanh nghiệp.

5.1.4. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội và thực thi các chương trình mục tiêu cụ thể

Quá trình xóa đói giảm nghèo cần đẩy mạnh, hệ thống chính sách hỗ trợ người dân có việc làm, nâng cao thu nhập và tham gia thị trường lao động và các chính sách, hỗ trợ người dân tham gia các loại hình bảo hiểm cần được hoàn thiện.

5.2. Về phía Doanh nghiệp

5.2.1. Xây dựng chiến lược, tìm hiểu thị trường của các đối tác chiến lược

Đối tác lớn nhất của Việt Nam trong TPP là Mỹ, vì vậy các doanh nghiệp cần nắm bắt đầy đủ thông tin về thị trường này để lên kế hoạch thay đổi hoạt động sản xuất, kinh doanh, thay đổi công nghệ, cách thâm nhập thị trường.

Ngoài ra, doanh nghiệp cần phát triển mối quan hệ hợp tác với các nhà sản xuất nước ngoài có công nghệ tiên tiến; quan tâm đào tạo nguồn lực đáp ứng nhu cầu phát triển thị trường; xây dựng chiến lược phát triển liên kết nội khối tạo chuỗi sản xuất lớn đáp ứng những đơn hàng lớn.

5.2.2. Chủ động nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hóa

Các doanh nghiệp cần nghiên cứu nâng cao chất lượng mẫu mã của hàng hóa để vượt qua các điều kiện chặt chẽ về “chứng minh lô hàng xuất khẩu có xuất xứ nguyên liệu, phụ liệu được sản xuất tại Việt Nam hoặc tại các nước thành viên TPP” (Nguyễn Minh Phong, 2014).

Các doanh nghiệp nên chú trọng việc tự đầu tư vào quá trình nghiên cứu sản xuất để tăng nhanh tỷ

lệ nội địa hóa sản phẩm, giảm giá thành và sự phụ thuộc vào các nhà cung cấp nước ngoài. Bên cạnh đó, doanh nghiệp có thể xúc tiến xuất khẩu công nghệ sang các quốc gia có cùng trình độ phát triển và luôn có ý thức tự bảo vệ mình, tự nghiên cứu và nhờ ý kiến tư vấn để hiểu rõ các vấn đề sở hữu trí tuệ.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng cần chủ động cung cấp thông tin, phối hợp với đoàn đàm phán để tăng hiệu quả đàm phán, phản ánh đúng nhất lợi ích của doanh nghiệp.

6. Kết luận

Khi tham gia TPP, Việt Nam sẽ nắm bắt và tận dụng tốt hơn các cơ hội do quá trình tái cấu trúc cục diện quốc tế và khu vực cũng như xu thế hội nhập kinh tế khu vực đem lại. Việt Nam có thêm điều kiện hợp tác quốc tế để phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao vị thế trong khu vực và trên trường quốc tế thông qua đàm phán với Mỹ, mở cửa thị trường cho hàng hóa Việt, tạo cú hích mạnh mẽ thúc đẩy xuất khẩu, kiểm chế nhập siêu và thúc đẩy đầu tư nước ngoài.

Tuy nhiên, Việt Nam cũng sẽ gặp phải những thách thức không nhỏ. Các doanh nghiệp trong nước sẽ phải đối mặt với sức ép về mở cửa thị trường,

năng lực cạnh tranh. Một số hệ quả xã hội tiêu cực có thể xảy ra như tình trạng phá sản, thất nghiệp ở các doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh yếu và ảnh hưởng tới môi trường lao động Việt Nam. Việt Nam có thể phải sửa đổi, điều chỉnh nhiều quy định pháp luật về thương mại, đầu tư, đầu thầu, sở hữu trí tuệ...

Cần nhận thức rõ rằng cơ hội luôn đi cùng với thách thức tuy nhiên có thể nói việc tham gia TPP mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội. Những cơ hội rõ ràng nhất đó là cơ hội về một sân chơi tâm cỡ, với các luật lệ chặt chẽ vừa là thách thức nhưng là cơ hội để tái cơ cấu, hoàn thiện thể chế, tăng cường phát triển công nghệ, thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu. Hơn nữa, cái được nhiều nhất chính là từng bước xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, bền vững cho các doanh nghiệp với nhiều vận hội và cơ hội mới cho đất nước. Cuối cùng, chính yêu cầu cấp thiết phải xây dựng một nền kinh tế vận hành chặt chẽ quy củ theo các luật lệ và thể chế thị trường, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ ngày càng chủ động khai thác, phát huy nội lực để tận dụng những cơ hội và sẵn sàng đối phó sau khi Việt Nam chính thức gia nhập TPP. □

Ghi chú:

1. Mỹ có cơ cấu ở một số mặt hàng xuất khẩu bổ sung cho Việt Nam, do những mặt hàng đó nước ta không xuất khẩu hoặc không có thế mạnh về xuất khẩu.
2. Liệt kê những lĩnh vực cam kết mở cửa, những lĩnh vực không nhắc đến thì không có nghĩa vụ.
3. Liệt kê tất cả các biện pháp hạn chế, biện pháp không được liệt kê thì hoàn toàn có quyền thực hiện.
4. với việc đối xử tối huệ quốc (MFN), không phân biệt giữa các nhà cung cấp TPP với nhau và đối xử quốc gia (NT).
5. Hiện nay, hầu hết các công trình lớn của Việt Nam được cung cấp bởi các nhà thầu Trung Quốc với chất lượng hạn chế.
6. Năm 2010, tập đoàn Renco Group Inc của Mỹ kiện chính phủ Peru, đòi bồi thường 800 triệu USD vì từ chối gia hạn lần ba cho nhà đầu tư này để hoàn thành dự án nhà máy Sulphua. Đặc biệt, hơn 70% những vụ kiện như thế này đều liên quan tới những vấn đề như chính sách môi trường, xã hội, sức khỏe của người dân... (US Department of State, 2011).
7. Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ.
8. Hiệp định song phương, thỏa thuận tự do thương mại.
9. Một cá nhân được quyền đăng ký tên gọi đó cho riêng mình, và nếu đã có người đăng ký thì những người khác không được sử dụng tên gọi đó cho sản phẩm của mình hoặc nếu muốn sử dụng phải trả tiền cho “chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý”.

Tài liệu tham khảo

BSA (2011), Global Piracy Study, truy cập lần cuối ngày 18 tháng 4 năm 2014, từ <<http://globalstudy.bsa.org/2011/>>.

Cục xúc tiến thương mại, Bộ Công Thương (2014), *Một số thách thức đối với Việt Nam khi tham gia Hiệp định Đối*

- tác Kinh tế Xuyên Thái Bình Dương*, Hà Nội.
- Đinh Hoàng Thắng (2014), *Sở hữu trí tuệ trong Hiệp định TPP: Chỉ thấy thách thức*, truy cập ngày 24 tháng 05 năm 2014, từ <<http://www.fetp.edu.vn/vn/tin-tuc-su-kien/tin-tuc-hoc-vien-va-cuu-hoc-vien/so-huu-tri-tue-trong-hiep-dinh-tpp-chi-thay-thach-thuc/>>.
- Donohue, Tom (2015), *Obama will get trade promotion authority*, truy cập ngày 14 tháng 01 năm 2015, từ <<http://www.bloomberg.com/news/videos/2015-01-14/obama-will-get-trade-promotion-authority-donohue-says-video>>.
- Fergusson, Ian F. và Vaughn, Bruce (2011), *Hiệp định hợp tác Châu Á – Thái Bình Dương* (Trans-Pacific Partnership Agreement), Ban nghiên cứu quốc hội, Hoa Kỳ, truy cập ngày 20 tháng 08 năm 2014, từ: <<http://fas.org/sgp/crs/row/R40502.pdf>>.
- Lương Xuân Quỳ (2014), ‘Việt Nam và Hiệp định Thương mại xuyên Thái Bình Dương’, *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, số 14(24) Tháng 01-02/2014, trang 33.
- Lê Anh (2014), *Tham gia vào TPP giúp Việt Nam hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường*, truy cập ngày 18 tháng 04 năm 2014, từ <<http://baodientu.chinhphu.vn/Viet-Nam-va-TPP/Tham-gia-TPP-giup-Viet-Nam-hoan-thien-the-che-kinh-te-thi-truong/197561.vgp>>.
- Ngô Tuấn Anh (2014), *TPP: Bệ phóng tăng trưởng mới cho doanh nghiệp Việt Nam 2014*, truy cập ngày 24 tháng 05 năm 2014, từ <<http://m.vef.vn/2014/03/tpp-be-phong-tang-truong-moi-cho-doanh-nghiep-viet-nam-2014/http://m.vef.vn/2014/03/tpp-be-phong-tang-truong-moi-cho-doanh-nghiep-viet-nam-2014/>>.
- Nguyễn Minh Phong (2013), *Việt Nam tham gia TPP-Từ góc nhìn doanh nghiệp*, truy cập ngày 20 tháng 04 năm 2014, <<http://www.nhandan.com.vn/kinhte/nhan-dinh/item/21079202-viet-nam-tham-gia-tpp-tu-goc-nhin-doanh-nghiep.html>>.
- Nguyễn Thị Thu Hà và Trần Quốc Trung (2014), “Mua sắm chính phủ của các quốc gia đàm phán hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế đối ngoại*, truy cập ngày 21 tháng 02 năm 2014, từ cơ sở dữ liệu của Viện Kinh tế và Thương mại quốc tế.
- Nguyễn Thị Thu Trang (2013), *Để TPP mang lại những lợi ích kỳ vọng*, truy cập ngày 24 tháng 05 năm 2014, từ: <<http://www.trungtamwto.vn/tpp/de-tpp-mang-lai-nhung-loi-ich-ky-vong>>.
- Trang thông tin điện tử đầu tư nước ngoài (2014), *Thu hút đầu tư nước ngoài sau 8 năm gia nhập WTO và những vấn đề đặt ra*, truy cập ngày 14 tháng 01 năm 2015, từ <<http://fia.mpi.gov.vn/TinBai/1410/Thu-hut-DTNN-sau-8-nam-gia-nhap-WTO-va-nhung-van-de-dat-ra>>.
- Trần Hồng Quang và Nguyễn Quốc Trường (2014), ‘TPP - cơ hội và thách thức đối với Việt Nam’, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Gia nhập TPP - cơ hội và thách thức đối với Việt Nam và ASEAN*, Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hà Nội.
- US Department of State (2011), *Renco Group, Inc.v. Republic of Peru*, US.
- Ủy ban tư vấn về CSTMQT (2014), *Phân tích những bất lợi tiềm tàng của TPP đối với Việt Nam*, truy cập ngày 14 tháng 01 năm 2015, từ <<http://www.trungtamwto.vn/tpp/phan-tich-nhung-bat-loi-tiem-tang-cua-tpp-doi-voi-viet-nam>>.

Thông tin tác giả:

***Hoàng Xuân Bình, Tiến sỹ**

- Tổ chức tác giả công tác: Trường Đại học Ngoại Thương

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, thị trường chứng khoán

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: binhhx@ftu.edu.vn